| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ XUYÊN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST*
*Ngày: 10/08/2017*
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Thị Dương Hải
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Lý Thị Đào
2. Bà Lâm Thị Tám

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Bích Khiếm – Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Sỹ Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 05 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017QĐXXST-DS, ngày 18/07/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị T, sinh năm 1983.( Có mặt)
Địa chỉ: Số 249 ấp số 8, thị trấn H L, huyện TT, tỉnh ST.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983.( Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 14 C ấp ĐH, xã GH 1, huyện MX, tỉnh ST.

# NỘI DUNG VỤ ÁN

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/05/2017, nguyên đơn bà Lý Thị T trình bày:*

Vào năm 2002 bà và ông Q kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã G H 1, huyện MX, tỉnh ST vào năm 2008. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là ông Q không quan tâm lo lắng cho vợ con, có quan hệ với người phụ nữ khác từ đó vợ chồng sống không hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 09/10/2003 hiện nay đang sống với bà T. Nay

về con chung bà xin yêu cầu được nuôi con, bà xin thay đổi không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên bà T không yêu cầu toà án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng***:* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn nhưng bị đơn Q vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Q theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T.

**Về nội dung:**

- *Về hôn nhân*:

Bà Lý Thị T và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2002 và được Ủy ban nhân dân xã GH 1, huyện M X, tỉnh ST cấp Giấy chứng nhận kết hôn trễ hạn vào ngày 01/10/2008. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông Q bỏ đi làm không quan tâm đến vợ con và cuối cùng bà T và ông Q sống ly thân nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông Q và bà T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông Q không còn quan tâm gì đến vợ con và ông bà đã ly thân nhau thời gian đã lâu không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông Q và bà T đã có với nhau một con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 09/10/2003 hiện nay cháu L đang sống với bà T, nay về con chung bà T yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, từ trước đến nay cháu L sống chung với bà T, ông Q không quan tâm chăm sóc gì đến con chung, nguyện vọng của cháu L cũng xin được sống với mẹ, do đó cần tiếp tục để cháu được sống chung với bà và giao cháu L cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không xem xét đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân, cho bà T được ly hôn với ông Q, về con chung, giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 09/10/2003,ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 244**,** điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228**,** Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị T.

1/ *Về hôn nhân*: Bà Lý Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

2/ *Về con chung*: Bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 09/10/2003 đến tuổi trưởng thành. Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho ông Q không ai được quyền cản trở.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4/ *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lý Thị T phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 005268, ngày 22/05/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Q thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
(đã ký)

**Mai Thị Dương Hải**